

Bản tin Phân tích kỹ thuật

29/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G5000 đóng cửa thu hẹp 1 phần đà giảm khi tiếp cận hỗ trợ quanh 2.020 điểm. Tuy nhiên, đà tăng vẫn chưa cải thiện trở lại bởi hợp đồng dao động dưới đường MA20. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 2.030 điểm, mục tiêu tại 2.044 điểm và dừng lỗ khi vi phạm 2.023 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 2.030 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.044 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.023 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính

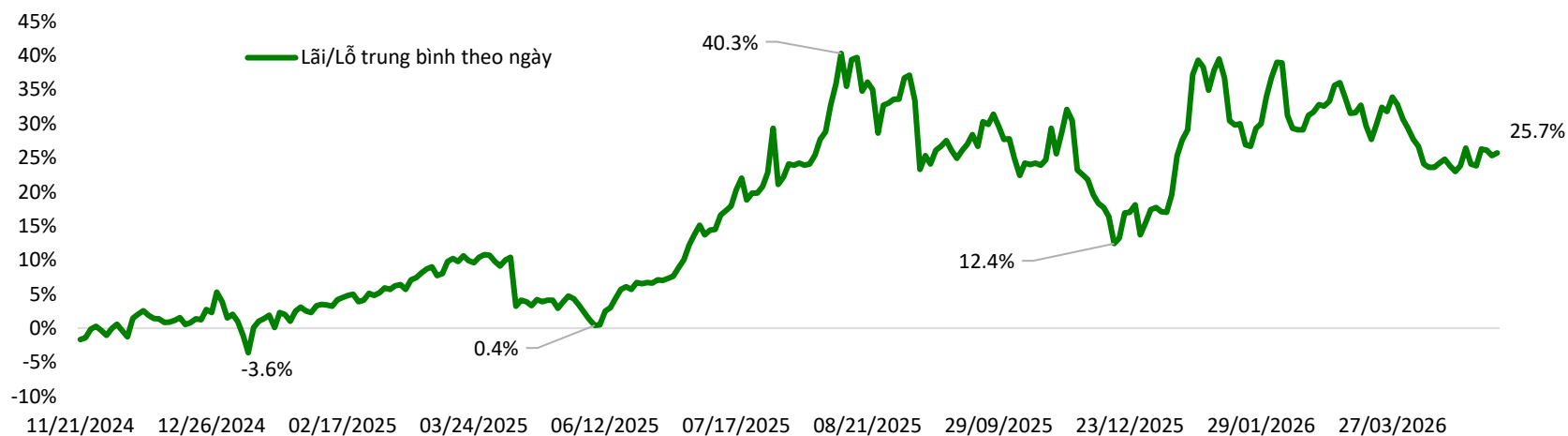


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, lực mua gia tăng rõ hơn tại nhóm Bất động sản và Vật liệu. Trong khi đó, nhóm Dầu khí và DV Tiện ích dù tăng giá trên nhiều mã nhưng lực cầu chưa cải thiện nổi bật. Ở chiều ngược lại, so với phiên 28/04, lực cung đã được tiết chế với độ bao phủ thấp hơn.
- Đánh giá tổng quan, ba phiên gần đây cho thấy VN-Index chủ yếu dao động trong biên độ 1.840–1.890 điểm. Đáng chú ý, trong vùng dao động này, áp lực bán chưa lan rộng và vẫn được duy trì ở mức thấp, đặc biệt tại các nhóm có tính dẫn dắt điểm số như Ngân hàng, Bán lẻ và Tiêu dùng. Do đó, chúng tôi cho rằng đây chưa phải là tín hiệu phân phối tại vùng giá cao.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, xác suất vẫn nghiêng về kịch bản VN-Index tiếp cận vùng 1.900–1.920 điểm. Ngược lại, khả năng vi phạm hỗ trợ 1.840 điểm và kéo dài nhịp điều chỉnh về vùng 1.800 điểm vẫn ở mức thấp, chưa gia tăng so với phiên 28/04.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTD	10/04/2026		Đang mở	86,800	78,000	11.3%	75,100	88,000	79,000	
CTG	29/04/2026		Đang mở	34,950	34,750	0.6%	33,000	37,800		
MWG	29/04/2026		Đang mở	84,000	84,300	-0.4%	81,500	92,700		
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,500	47,500	0.0%	46,000	53,600		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	214,000	-5.10%	10.48%	1,649,091	-19.958	1,506	11.1	142.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	146,000	-3.31%	0.14%	599,682	-4.712	15,766	2.3	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	47,300	3.73%	0.53%	141,298	1.250	3,738	2.9	12.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	33,850	-2.17%	3.52%	239,869	-1.234	3,677	1.4	9.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GAS	75,200	2.31%	-4.45%	181,454	0.996	4,808	2.6	15.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,500	-1.85%	-3.81%	210,249	-0.924	3,314	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VRE	32,300	4.87%	10.24%	73,396	0.848	3,025	1.5	10.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MCH	137,000	-1.79%	-2.21%	177,341	-0.754	5,341	10.3	25.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	33,700	2.12%	3.22%	134,800	0.679	1,572	2.3	21.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VPL	85,700	1.66%	2.39%	153,686	0.606	1,405	4.0	61.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MWG	84,000	-1.87%	-1.87%	123,348	-0.547	5,552	3.5	15.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
FPT	75,500	1.48%	0.53%	128,615	0.451	5,691	3.3	13.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	42,700	5.82%	-4.58%	22,605	0.312	4,413	2.0	9.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SAB	47,500	-2.06%	5.20%	60,922	-0.298	3,754	2.7	12.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	34,950	0.43%	0.29%	271,455	0.278	4,906	1.5	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVS	38,000	4.97%	-1.30%	19,434	0.491	3,616	1.3	10.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
KSF	92,000	1.10%	1.10%	82,780	0.463	17,930	4.8	5.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	77,000	3.08%	0.00%	18,037	0.282	4,709	2.2	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	10,500	-1.87%	-4.55%	20,209	-0.192	43	1.5	242.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	17,800	3.49%	5.33%	10,100	0.179	312	1.6	57.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	151,300	0.87%	-4.84%	30,260	0.133	9,851	5.9	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDC	45,200	-1.09%	-2.38%	17,153	-0.095	5,090	2.7	8.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	16,900	1.20%	-2.87%	15,201	0.093	1,463	1.2	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	58,500	-1.18%	-4.72%	10,006	-0.060	6,053	2.4	9.7	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HUT	15,900	-0.63%	-3.64%	16,986	-0.054	514	1.6	30.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

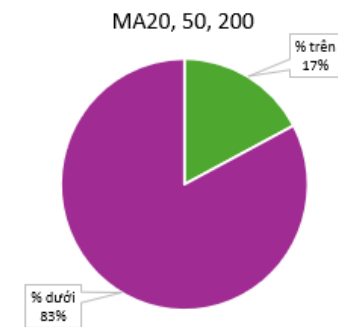
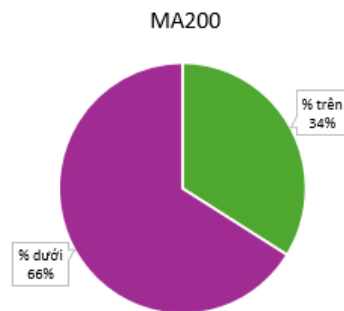
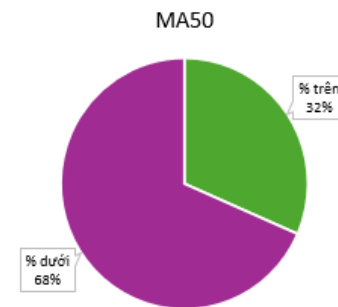
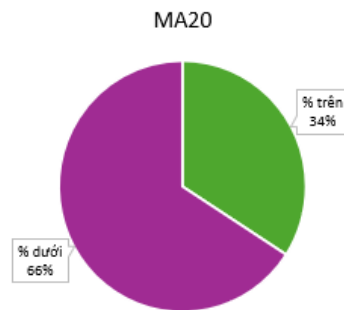
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	89,700	-1.32%	-3.76%	272,890	-0.138	3,056	6.7	29.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DNH	40,000	-13.04%	-11.11%	16,896	-0.085	2,166	3.3	18.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	44,000	-1.12%	-3.08%	157,712	-0.068	3,019	2.3	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	54,100	2.46%	1.12%	66,042	0.062	1,622	4.7	33.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PAP	27,000	8.00%	1.89%	9,532	0.029	-2,116	2.7	-12.6	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
VBB	13,400	-4.29%	-2.19%	14,827	-0.024	1,279	1.2	10.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VSF	25,700	4.47%	-2.65%	12,994	0.022	57	5.6	457.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SJG	24,400	5.17%	20.79%	10,409	0.021	3,774	1.4	6.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TIN	154,900	2.51%	-5.55%	14,086	0.014	15,995	5.7	9.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	38,600	0.78%	-13.26%	41,597	0.012	700	3.3	54.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDP	285,000	1.8%	10.6	1.0	168,062	280,000	5.2	55.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AMS	10,300	14.4%	6.7	1.9	6,900	9,500	0.7	10.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCO	15,150	2.0%	6.7	6.8	8,280	14,850	1.3	12.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PC1	19,550	-6.5%	820.1	204.6	18,001	31,350	1.2	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	285,000	1.8%	10.6	1.0	168,062	280,000	5.2	55.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	77,000	3.1%	8.6	4.0	51,859	112,500	2.2	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BFC	67,600	7.0%	53.0	13.1	38,568	76,100	2.8	12.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			29/04/2026	28/04/2026	24/04/2026	23/04/2026	22/04/2026	21/04/2026	20/04/2026	17/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	31%	30%	30%	31%	31%	32%	34%	33%
		Dưới	69%	70%	70%	69%	69%	68%	66%	67%
	MA50	Trên	37%	36%	38%	37%	41%	39%	43%	39%
		Dưới	63%	64%	62%	63%	59%	61%	57%	61%
	MA20	Trên	40%	37%	42%	41%	46%	47%	58%	58%
		Dưới	60%	63%	58%	59%	54%	53%	42%	42%
VN30	MA200	Trên	43%	37%	40%	53%	43%	43%	50%	43%
		Dưới	57%	63%	60%	47%	57%	57%	50%	57%
	MA50	Trên	45%	50%	47%	57%	53%	53%	57%	50%
		Dưới	55%	50%	53%	43%	47%	47%	43%	50%
	MA20	Trên	53%	57%	60%	73%	80%	83%	87%	90%
		Dưới	47%	43%	40%	27%	20%	17%	13%	10%
HNX	MA200	Trên	34%	33%	34%	33%	37%	38%	38%	37%
		Dưới	66%	67%	66%	67%	63%	62%	62%	63%
	MA50	Trên	35%	35%	37%	37%	39%	37%	40%	38%
		Dưới	65%	65%	63%	63%	61%	63%	60%	62%
	MA20	Trên	34%	33%	34%	33%	37%	38%	38%	37%
		Dưới	66%	67%	66%	67%	63%	62%	62%	63%
UPCOM	MA200	Trên	30%	29%	30%	30%	31%	32%	32%	33%
		Dưới	70%	71%	70%	70%	69%	68%	68%	67%
	MA50	Trên	29%	29%	31%	32%	33%	31%	31%	32%
		Dưới	71%	71%	69%	68%	67%	69%	69%	68%
	MA20	Trên	35%	35%	36%	36%	36%	36%	36%	36%
		Dưới	65%	65%	64%	64%	64%	64%	64%	64%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 4																			
		29 ↓	28	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01
↗ 1	Bất động sản	62	60	64	62	64	64	66	67	68	67	64	60	63	62	57	47	48	51	53	50
2	Xây dựng và Vật liệu	56	57	62	59	61	60	61	59	60	64	63	58	62	59	52	43	45	48	52	54
3	Ngân hàng	54	54	59	59	57	57	55	53	53	57	56	53	57	57	50	36	36	35	39	41
! 4	Tài nguyên Cơ bản	54	56	58	58	63	62	64	58	59	61	54	51	58	57	52	45	45	47	48	48
! 5	Thực phẩm và đồ uống...	53	55	58	58	57	57	56	53	52	53	51	52	55	54	50	40	40	36	39	38
6	Du lịch và Giải trí	52	47	50	56	58	61	57	57	57	50	45	44	45	47	46	39	38	40	41	38
! 7	Bán lẻ	47	48	55	58	64	63	63	59	57	57	58	55	62	62	55	47	48	50	53	57
! 8	Hàng & Dịch vụ Côn...	45	47	51	51	51	48	45	45	45	48	49	49	52	53	50	45	40	42	44	45
~ 9	Ô tô và phụ tùng	44	49	52	51	54	55	53	50	51	52	53	53	52	51	49	45	47	51	50	49
10	Hóa chất	43	42	46	46	49	47	45	40	39	42	41	42	43	42	38	34	37	40	39	38
! 11	Hàng cá nhân & Gia ...	41	41	47	50	54	52	51	49	50	49	51	45	47	51	42	34	34	37	39	41
~ 12	Dịch vụ tài chính	38	36	42	44	47	48	51	51	54	55	54	50	53	56	49	37	34	41	44	39
~ 13	Điện, nước & xăng d...	29	32	34	37	41	43	48	49	49	52	52	53	53	53	54	49	51	52	55	58
~ 14	Dầu khí	29	33	36	36	38	38	37	38	37	38	41	42	39	39	40	38	41	43	44	46
~ 15	Bảo hiểm	20	20	25	22	25	27	32	33	37	42	44	42	50	55	55	51	58	63	61	59
16	Công nghệ Thông tin	19	16	26	26	27	24	24	20	23	26	27	23	26	30	21	15	16	17	18	15

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STB	67,500	-0.9%	-0.3%	127,252	2.1	27.5	2,454	335.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	180,000	0.7%	2.4%	106,490	4.3	48.3	3,728	267.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VRE	32,300	4.9%	10.2%	73,396	1.5	10.7	3,025	546.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SAB	47,500	-2.1%	5.2%	60,922	2.7	12.7	3,754	28.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	20,500	0.0%	15.8%	45,807	1.0	23.2	884	526.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	61,400	0.7%	0.8%	19,651	3.7	50.3	1,221	268.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	164,000	-1.7%	0.7%	18,217	7.4	25.3	6,543	13.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	285,000	1.8%	5.6%	17,450	5.2	55.9	5,055	10.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTD	86,800	0.9%	6.8%	9,706	1.0	11.5	7,565	80.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	7,200	0.0%	9.1%	7,944	7.6	-8.1	-890	59.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPG	44,750	0.4%	5.3%	5,307	2.4	14.3	3,127	43.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
BFC	67,600	7.0%	3.5%	3,865	2.8	12.5	5,420	53.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPR	41,200	1.4%	1.1%	3,580	1.4	10.9	3,777	14.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
CDC	18,800	6.2%	1.6%	1,984	3.5	56.9	330	7.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	18,000	1.7%	7.8%	1,867	0.9	8.0	2,253	12.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	14,000	0.7%	8.5%	1,016	1.5	6.5	2,150	7.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
AMS	10,300	14.4%	12.0%	595	0.7	10.8	915	6.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCO	15,150	2.0%	6.7%	475	1.3	12.7	1,198	6.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	214,000	-5.1%	10.5%	1,649,091	11.1	142.1	1,506	1,258.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	146,000	-3.3%	0.1%	599,682	2.3	9.3	15,766	1,051.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PC1	19,550	-6.5%	-25.5%	8,041	1.2	7.7	2,532	820.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,500	-1.9%	-3.8%	210,249	1.2	8.0	3,314	500.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACV	44,000	-1.1%	-3.1%	157,712	2.3	14.6	3,019	43.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	14,550	0.7%	-4.0%	76,432	1.1	5.6	2,581	604.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,650	0.0%	-2.3%	68,879	1.7	12.8	2,153	339.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	27,400	-0.4%	-2.7%	51,375	1.5	12.1	2,263	30.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	16,700	2.1%	-2.1%	40,920	1.9	5.0	3,325	261.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	21,750	-0.5%	-5.2%	40,514	1.5	54.2	401	196.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	12,650	0.0%	-3.4%	38,808	1.1	14.9	849	63.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	60,300	0.5%	-6.9%	32,662	1.6	12.4	4,858	56.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	26,200	-0.2%	-2.2%	30,068	1.7	19.9	1,314	235.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
OCB	11,250	0.0%	-1.7%	29,959	0.9	7.0	1,604	7.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KDH	25,400	0.0%	-1.2%	28,504	1.5	27.1	936	189.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	16,100	0.3%	-3.3%	24,509	1.1	11.2	1,435	145.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,400	-0.5%	-3.0%	19,418	2.3	10.8	1,793	58.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	42,600	-0.9%	-3.8%	19,100	2.2	14.7	2,896	32.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	15,900	-0.6%	-3.6%	16,986	1.6	30.9	514	31.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHS	16,900	1.2%	-2.9%	15,201	1.2	11.6	1,463	92.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,750	0.7%	-1.4%	13,461	1.1	17.4	1,599	54.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	43,800	5.3%	-7.8%	12,694	1.8	24.3	1,803	105.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,150	-0.75%	-8.36%	25,500	93.9%	(143)	1.1	-91.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDH	25,400	0.00%	-1.17%	43,700	72.0%	936	1.5	27.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	53,600	2.49%	0.56%	91,200	70.1%	6,911	1.3	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,750	0.73%	-1.42%	45,800	65.0%	1,599	1.1	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	19,550	-6.46%	-25.52%	30,500	56.0%	2,532	1.2	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	27,200	0.00%	-4.06%	42,400	55.9%	1,309	1.5	20.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	75,500	1.48%	0.53%	116,600	54.4%	5,691	3.3	13.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,100	0.00%	-2.58%	23,100	53.0%	1,708	0.8	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,000	4.97%	-1.30%	58,100	52.9%	3,616	1.3	10.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VGC	42,600	-0.93%	-3.84%	64,100	50.5%	2,896	2.2	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,650	0.00%	-2.30%	40,800	47.6%	2,153	1.7	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,900	0.46%	-5.19%	31,900	45.7%	334	1.4	65.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,500	-1.85%	-3.81%	38,000	43.4%	3,314	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TV2	34,650	-0.43%	-3.48%	49,000	41.4%	1,971	1.8	17.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	22,000	2.09%	-0.45%	30,800	40.0%	2,208	1.2	10.0	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HDG	25,900	1.37%	-7.33%	36,200	39.8%	2,082	1.4	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	39,100	0.26%	-2.98%	54,000	38.1%	1,638	2.0	23.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACG	33,500	-0.89%	-1.33%	45,800	36.7%	3,521	1.1	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,500	0.00%	-1.05%	32,000	36.2%	3,167	1.2	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,500	1.64%	-0.46%	58,700	34.9%	4,506	1.6	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn